

Số: 210KH-THCSPC

Hà Đông, ngày 10 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công khai năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS PHÚ CƯỜNG

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 89/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/6/2010 Hướng dẫn chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét phẩm chất và năng lực cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công khai năm học 2022-2023 gồm các ông(bà) có danh sách kèm theo.

Điều 2. Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ theo các văn bản hướng dẫn, dưới sự phân công của Trưởng ban.

Điều 3. Cán bộ giáo viên, nhân viên và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Thanh Thủy

**DANH SÁCH BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CÔNG KHAI
TẠI TRƯỜNG THCS PHÚ CƯỜNG - Năm học 2022 -2023**

1- Bà Đặng Thị Thanh Thủy	Hiệu trưởng	Trưởng ban.
2- Bà Nguyễn Thị Mai	PHT, CTCĐ	Phó ban
3- Bà Nguyễn Thị Lan Anh	TT Tổ KHTN	Ủy viên
4- Bà Chu Thị Thanh Hà	TT Tổ KHXH	Ủy viên
5- Ông Nguyễn Hồng Hải	TPT Đội	Ủy viên
6- Bà Đỗ Thị Thủy	Kế toán	Ủy viên
7- Bà Trần Thị Kim Trung	Tổ trưởng tổ VP	Ủy viên
8- Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thư kí HĐ	Ủy viên
9- Bà Vũ Tú Nga	Thanh tra ND	Ủy viên

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

STT	Họ Và Tên	Chức Vụ	Nhiệm vụ
1	Đặng Thị Thanh Thủy	Trưởng ban	Thực hiện quản lý và công khai đội ngũ, cán bộ quản lý, tài chính, tài sản, thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị. Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, động viên, giám sát, đôn đốc các hoạt động công khai của đơn vị.
2	Nguyễn Thị Mai	Phó ban	Thực hiện quản lý và công khai chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, của đơn vị. Phối hợp cùng với Hiệu trưởng thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị; quản lý và công khai về cơ sở vật chất và cùng với Hiệu trưởng thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị.



STT	Họ Và Tên	Chức Vụ	Nhiệm vụ
3	Nguyễn Thị Lan Anh	Ủy viên	Thực hiện thống kê kết quả giảng dạy và giáo dục của cá nhân, tổ, kết quả tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, tự đánh giá phân loại giáo viên trong tổ hàng năm để thực hiện công khai theo quy định.
4	Chu Thị Thanh Hà	Ủy viên	Thực hiện thống kê kết quả giảng dạy và giáo dục của cá nhân, tổ, kết quả tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, tự đánh giá phân loại giáo viên trong tổ hàng năm để thực hiện công khai theo quy định.
5	Nguyễn Hồng Hải	Ủy viên	Thực hiện thống kê kết thực hiện nhiệm vụ Đoàn-Đội của nhà trường theo đơn vị lớp và CB, GV, NV.
6	Đỗ Thị Thủy	Ủy viên	Quyết toán thu, chi theo quy định, lưu giữ chứng từ tài chính khoa học để phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát khi được yêu cầu.
7	Trần Thị Kim Trung	Ủy viên	Tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai
8	Nguyễn Thị Thu Hằng	Ủy viên	Tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai
9	Vũ Tú Nga	Ủy viên	Thanh tra, kiểm tra các hoạt động của nhà trường, công tác tài chính.



Số: 217/KH-THCSPC

Hà Đông, ngày 10 tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH
Thực hiện “ 3 công khai, 4 kiểm tra” năm học 2022 -2023

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 89/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/6/2010 Hướng dẫn chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ điều kiện thực tế của đơn vị, trường THCS Phú Cường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công khai năm học 2022 - 2023 như sau:

I. Mục tiêu thực hiện công khai

- Nhằm nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ quản lý và tập thể giáo viên nhà trường ý thức trách nhiệm và tinh thần cộng đồng trong công tác.

- Quản lý tốt việc thu chi cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị từ đó xây dựng một tập thể dân chủ đoàn kết.

- Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong từng năm học.

- Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ giáo viên, học sinh, phụ huynh, quần chúng trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng mối đoàn kết trong nội bộ trường học.

- Thực hiện cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên trong nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.



- Thực hiện công khai nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. Nội dung thực hiện ba công khai.

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

1.1. Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh. (biểu mẫu 09)

1.2. Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT (biểu mẫu 10).

1.3. Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia:

Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

1.4. Kiểm định nhà trường:

Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng:

2.1 Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp. (biểu mẫu 11).

2.2 Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo (biểu mẫu 12)

3. Công khai thu chi tài chính

Công khai dự toán ngân sách; Kế hoạch mua sắm, sửa chữa tài sản, quyết toán thu chi; Dự toán kinh phí bổ sung thực hiện tinh giản biên chế; Khoản thu học phí và các khoản thu khác; Công khai tài sản được tiếp nhận (biểu mẫu 13)

III. Hình thức và thời điểm công khai

1. Hình thức:

- Công khai trên Website của nhà trường
- Niêm yết tại phòng Hội đồng và bảng tin nhà trường.
- Công khai trong cuộc họp, sơ kết, tổng kết, hội nghị CBCC đầu năm học với cán bộ, giáo viên, nhân viên và trong các kỳ họp với CMHS của nhà trường.

2. Thời điểm công khai:

- Công khai định kỳ hàng tháng, hàng năm, đầu năm học, giữa năm học, kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật thường xuyên, kịp thời và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.
- Riêng với nội dung kết luận kiểm tra, thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra.

IV. Thực hiện bốn kiểm tra:

- Ban Thanh tra nhân dân thường xuyên giám sát về việc tuyển dụng giáo viên, mua sắm, sửa chữa CSVC, chi chế độ cho CB- GV- NV, chế độ nâng lương và các khoản phụ cấp (nếu có)
- Ban thanh tra chuyên môn dưới sự chỉ đạo của BGH nhà trường kiểm tra chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh theo định kỳ, theo kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường.

V. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo:

1. Tổ chức thực hiện:

1.1. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai cấp trường.

- * Thành phần gồm: Trưởng ban, phó ban, các ủy viên
- * Phân công chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho mỗi thành viên.

(Có quyết định kèm theo)

1.2. Tổ chuyên môn, văn phòng:

- Chỉ đạo trực tiếp các tổ viên tiến hành điều tra thông tin, thu thập số liệu cập nhật vào các biểu mẫu 09, 10, 11, 12, 13. Riêng tổ văn phòng điều hành kê khai báo cáo thu tài chính, tổ chức kiểm tra và nhập thông tin trên máy vi tính; tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai như: Nội quy, Quy chế làm việc của nhà trường; Quy chế dân chủ cơ sở; Bản tổng kết chất lượng giáo dục; Bảng phân lao động; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020; Kiểm tra thời gian tổ chức công khai quy chế thực hiện công khai của nhà trường.

1.3. Các đoàn thể:

Phối hợp giám sát, hoàn thiện thêm thông tin để làm tốt công khai trong nhà trường.

2. Chế độ báo cáo:

Tổng hợp kết quả thực hiện quy chế công khai và kết quả kiểm tra của các tổ chuyên môn, văn phòng, đoàn thể, bộ phận liên quan; trên cơ sở đó Trường ban chỉ đạo chịu trách nhiệm chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra, lưu giữ hồ sơ tại nhà trường và báo cáo các cấp khi có yêu cầu.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện “3 công khai, 4 kiểm tra” năm học 2022-2023 của trường THCS Phú Cường, đề nghị CB, GV, NV và học sinh của nhà trường nghiêm túc thực hiện.

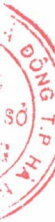
Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (b/cáo);
- Hội đồng SP (t/hiện);
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Thanh Thủy



THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THCS Phú Cường năm học 2021 – 2022

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	801	197	231	193	180
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	758 94,63%	195 98,98%	210 90,9%	179 92,8%	174 96,7%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	42 5,25%	2 1,02	21 9,1%	14 7,2%	5 2,78%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,12%	0 0%	0 0%	0 0%	1 0,6%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
II	Số học sinh chia theo học lực	801	197	231	193	180
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	360 44,94%	95 48,22%	107 46,32%	90 46,63%	68 37,78%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	359 44,82%	84 42,64%	100 43,29%	91 47,15%	84 46,67%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	82 10,24%	18 9,14%	24 10,39%	12 6,22%	28 15,56%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	801	197	231	193	180
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	801 100%	197 100%	231 100%	193 100%	180 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	360 44,94%	95 48,22%	107 46,32%	90 46,63%	68 37,78%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	359 44,82%	84 42,64%	100 43,29%	91 47,15%	84 46,67%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	Đến 7 0,37%	Đến 4 0,5%	Đến 2 0,43%	Đến 1 0,52%	Đến 0 %

		Đi 7 0,62%	Đi 4 0,5%	Đi 3 1,3%	Đi 0 0,52%	Đi 0 0%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	02 0,25%	0	0	02 1,04%	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	33	07	0	16	13
	Cấp Quận	31	03	04	9	15
1	Cấp tỉnh/thành phố	02	0	0	0	02
2	Quốc gia, khu vực	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	180	0	0	0	180
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	180	0	0	0	180
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	68 37,78 %	0	0	0	68 37,78 %
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	84 46,67%	0	0	0	84 46,67%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	28 15,56 %	0	0	0	28 15,56 %
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VII I	Số học sinh nam/số học sinh nữ	438/363	115/82	119/112	109/84	95/85
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	02	01	0	0	01

Hà Đông, ngày tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Thanh Thủy

Công khai thông tin về cơ sở vật chất của trường THCS Phú Cường

Biểu mẫu 11

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	24	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	24	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	08	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	21/24	
8	Bình quân học sinh/lớp	38,7	
III	Số điểm trường	0	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	5.243m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1441m ²	0,85
VI	Tổng diện tích các phòng	m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.680m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	704m ²	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	40m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	170m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	330m ²	
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	24	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	6	
2	Khối lớp 7	5	
3	Khối lớp 8	5	
4	Khối lớp 9	4	
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	22	Số học sinh/bộ



IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	07	
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	33	
5	Máy chiếu đa năng	0	
.6.	Đàn Oorgan	2	
7	Đàn Ghita	0	

	Nội dung	Số lượng (m2)
X	Nhà bếp	01 (54m ²)
XI	Nhà ăn	01 (330m ²)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	5(400m ²)	480	0,83m ² / chỗ
XIII	Khu nội trú	0	0	0

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Hà Đông, ngày 10 tháng 8 năm 202



UBND QUẬN HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG THCS PHÚ CƯỜNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường THCS Phú Cường năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp					
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	42		3	31					14	21	1				
I	Giáo viên															
	Trọng đó số giáo viên dạy môn:	34		3	25					14	20					
1	Toán	7			5	2				2	5					
2	Lý	2			2						2					
3	Hóa	1		1						1						
4	Sinh	2			2					1	1					
5	Văn	8			6	2				2	6					
6	Sử	2			1					2						
7	Địa	1			1						1					
8	GDCD	1			1						1					
9	Mỹ thuật	2			2					1	1					
10	Âm nhạc	1			1						1					
11	Công nghệ	1			1						1					
12	Ngoại ngữ	3		1	2					3						
13	Tin học	1			1						1					
14	Thể dục	1				1				1						
15	TPT Đội	1				1				1						
II	Cán bộ quản lý	2			1						1	1				
1	Hiệu trưởng	1		1								1				
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1					
III	Nhân viên	6			3	1	2									
1	Nhân viên văn thư	1					1									
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế	1					1									
5	Nhân viên thư viện															
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1											
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật															
8	Nhân viên CNTT															
9	Nhân viên khác	2			1	1										

Hà Đông, ngày 10 tháng 8 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG
Đặng Thị Thanh Thủy

UBND QUẬN HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG THCS PHÚ CƯỜNG

THÔNG BÁO
Kế hoạch công khai tài chính năm 2021

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài Chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THCS Phú Cường đã thực hiện công khai tài chính năm 2021 cụ thể như sau:

TT	Tháng	Nội dung công khai	Thời điểm công khai	Kết thúc công khai	Hình thức công khai
1	01/2021	Công khai dự toán ngân sách	15/01/2021	15/4/2021	Niêm yết tại bảng tin phòng Tổ bộ môn
2	02/2021	Công khai quyết toán thu chi	01/02/2021	03/5/2021	Niêm yết tại bảng tin phòng Tổ bộ môn
3	04/2021	Công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN Quý I/2021	07/4/2021	10/7/2021	Niêm yết tại bảng tin phòng Tổ bộ môn
4	07/2021	Công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN Quý II/2021	08/7/2021	12/10/2021	Niêm yết tại bảng tin phòng Tổ bộ môn

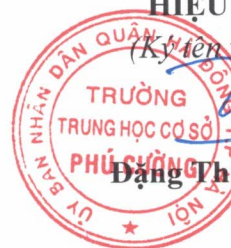


TT	Tháng	Nội dung công khai	Thời điểm công khai	Kết thúc công khai	Hình thức công khai
5	07/2021	Công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm 2021	08/7/2021	12/10/2021	Niêm yết tại bảng tin phòng Tổ bộ môn
6	8/2021	Công khai giám dự toán NSNN	22/8/2021	22/11/2021	Niêm yết tại bảng tin phòng Tổ bộ môn
7	9/2021	Công khai giám dự toán NSNN	21/9/2021	21/11/2021	Niêm yết tại bảng tin phòng Tổ bộ môn
8	10/2021	Công khai tình hình thực hiện dự toán Quý III/2021	15/10/2021	18/01/2022	Niêm yết tại bảng tin phòng Tổ bộ môn
9	10/2021	Công khai bổ sung dự toán(hỗ trợ học phí)	15/10/2021	18/01/2022	Niêm yết tại bảng tin phòng Tổ bộ môn
10	11/2021	Công khai kế hoạch triển khai các khoản thu chi năm học 2021-2022	16/11/2021	19/02/2022	Niêm yết tại bảng tin phòng Tổ bộ môn
11	12/2021	Công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2021	31/12/2021	31/3/2022	Niêm yết tại bảng tin phòng Tổ bộ môn

Hà Đông, ngày 10 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Đặng Thị Thanh Thủy

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Phú Cường
năm học 2022 – 2023**

*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Hoàn thành chương trình Tiểu học	Hoàn thành chương trình lớp 6	Hoàn thành chương trình lớp 7	Hoàn thành chương trình lớp 8
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện.	Chương trình giáo dục phổ thông 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.		Chương trình giáo dục phổ thông 2006 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	<ul style="list-style-type: none">- Liên hệ thường xuyên: Thông báo tin nhắn, Số LL điện tử, trang facebook.- Liên hệ định kì: Họp PHHS 3 lần /năm học.- Học sinh học tập tích cực, nghiêm túc.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục.	<ul style="list-style-type: none">- Hoạt động ngoài giờ lên lớp, kỹ năng sống, Tiếng Anh liên kết, giáo dục Stem.- Sinh hoạt Đoàn, Đội.- Tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, TDTT.- Tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho HS- Tập huấn kỹ năng phòng chống đuối nước, cháy nổ- Tổ chức hoạt động tham quan, trải nghiệm.- Tổ chức các CLB dân vũ, Dance...			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và	<ul style="list-style-type: none">- Hạnh kiểm Tốt: 94,6 %↑ ; Khá: 5 %↑ ; TB: 0,1 – 02%- Học lực: + Giỏi: Từ 43%↑ + Khá: Từ 45% ↑			



	sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được.	+ TB: Từ 12 % + Yếu: 0 % + Kém: 0 % Học sinh có sức khỏe tốt, phát triển toàn diện: đức – trí - thể - mỹ			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh.	Tiếp tục học lên lớp 7	Tiếp tục học lên lớp 8	Tiếp tục học lên lớp 9	Tiếp tục học lên lớp 10

Phú Lương, ngày tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



[Handwritten signature in blue ink]

Đặng Thị Thanh Thủy

